TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23/4/2021
"V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Thành.

2. Ông Nguyễn Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 23/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 236/2020/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2020 "Về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/4/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ H trình bày: Chị H và anh Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 21/11/2016. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh N ham chơi, không chăm lo cho gia đình nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mặc dù chị và gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh N không thay đổi. Hiện nay, vợ chồng không còn chung sống với nhau, không thể hàn gắn với nhau. Do vậy, chị H yêu cầu Tòa án giải

quyết được ly hôn với anh N. Về con chung: Chị H và anh N có hai con chung là Nguyễn Trần Khánh N1, sinh ngày 13/5/2017 và Nguyễn Trần Khang D, sinh ngày 15/01/2019. Hiện nay, cháu N1 đang sống với anh N, cháu D đang sống với chị H. Chị H đề nghị được nuôi dưỡng cháu D, giao cho anh N nuôi dưỡng cháu N1 và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn N trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Anh N và chị H có đăng ký kết hôn như chị H đã trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh N chưa quan tâm chăm lo cho vợ con nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Anh N mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy các con. Vì vậy, anh N không đồng ý ly hôn với chị H. Về con chung: Anh N và chị H có hai con chung là Nguyễn Trần Khánh N1 và Nguyễn Trần Khang D. Nếu ly hôn, anh N đồng ý sẽ nuôi dưỡng cháu N1, giao cho chị H nuôi dưỡng cháu D và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phát biểu ý kiến: Xét thấy, tình cảm vợ chồng chị H và anh N không còn, mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn với anh N. Về con chung: Xét thấy, chị H và anh N có đủ khả năng lao động để nuôi con và cùng thống nhất với nhau về việc nuôi con. Vì vậy, cần giao cháu Nguyễn Trần Khang D, sinh ngày 15/01/2019 cho chị H nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Trần Khánh N1, sinh ngày 13/5/2017 cho anh N nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập. Về án phí, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn N; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A. Bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn N có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật

nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị H và anh N đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N. Tổ dân phố B và UBND phường A đã có xác nhận về tình trạng mâu thuẫn của chị H và anh N. Anh N không đồng ý ly hôn với chị H và mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh N. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích động viên để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị H vẫn cương quyết ly hôn với anh N. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Mỹ H đối với anh Nguyễn Văn N.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh N có hai con chung là Nguyễn Trần Khánh N1, sinh ngày 13/5/2017 và Nguyễn Trần Khang D, sinh ngày 15/01/2019. Chị H và anh N thống nhất giao cháu D cho chị H nuôi dưỡng và giao cháu N1 cho anh N nuôi dưỡng, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, vì lợi ích của con chung, hiện nay cháu D chưa được 36 tháng tuổi và đang được chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H và anh N có khả năng lao động, có nơi cư trú ổn định nên đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con. Vì vậy, cần giao cháu D cho chị H nuôi dưỡng, giao cháu N1 cho anh N nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H và anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Văn N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ H.

- *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị Mỹ H được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- *Về nuôi con chung*: Giao cho chị Trần Thị Mỹ H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trần Khang D, sinh ngày 15/01/2019; giao cho anh Nguyễn Văn N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trần Khánh N1, sinh ngày 13/5/2017, khi

các cháu Duy và N1 chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị H và anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí*: Chị Trần Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng, theo biên lai thu tiền số 0009903 ngày 16/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (23/4/2021), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- UBND phường A, TX. A, tỉnh Gia Lai (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Đồng Ánh Đông